

Bản án số: 42/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 14/10/2019

V/v: *chị B xin ly hôn anh T*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN – TỈNH B GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Hà Giang

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Lâm Giang

2. Ông Nguyễn Quốc Sửu

- Thư ký phiên toà: bà Ngô Thị Vân - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh B Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên tham gia phiên toà: ông Nguyễn Văn Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh B Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 174/2019/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2019 về việc ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 167/2019/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị Thân Thị B, sinh năm 1989;

Nơi cư trú: thôn N, xã Ng, huyện T, tỉnh Bắc Giang (xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* anh Dương Văn T, sinh năm 1983;

Nơi ĐKKHKT: thôn N, xã Ng, huyện T, tỉnh Bắc Giang; Hiện đang cải tạo tại đội 43, phân trại số 1, trại giam Ph địa chỉ tại huyện Ph, tỉnh Th (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 29/5/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - chị Thân Thị B trình bày:

Chị và anh Dương Văn T kết hôn ngày 26/3/2007, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại UBND xã Ng, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị về làm dâu gia đình anh T ngay. Vợ chồng chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc cho đến năm 2011, anh T bị bắt và bị xét xử về tội buôn bán trái phép chất ma túy. Sau khi bị Tòa án xét xử anh T đi cải tạo tại trại giam Ph. Quá trình anh T chấp hành án phạt tù chị có đến thăm và chu cấp cho anh T. Tuy nhiên do thời gian sống xa cách đã lâu nên tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân

không đạt được. Vợ chồng chị ly thân từ năm 2011 cho đến nay. Nay chị xin ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là Dương Mai B, sinh ngày 02/7/2007 và Dương Quang L, sinh ngày 03/02/2011. Hiện các cháu phát triển tốt, cháu L ở với ông bà nội còn cháu B ở với chị. Ly hôn, chị xin được nuôi dưỡng cả 2 con chung, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Hiện chị làm nghề tự do thu nhập bình quân hàng tháng 10.000.000 đồng. Chị xác định chị có đủ điều kiện để nuôi cả 2 con chung, chị ở chung cùng bố mẹ chị. Anh T hiện đang đi cải tạo tại trại giam không đủ điều kiện để nuôi dưỡng chăm sóc các cháu được.

Tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: vợ chồng không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị B vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị.

Tại bản tự khai và biên bản lấy khai ngày 06/8/2019, bị đơn – anh Dương Văn T trình bày:

Anh thừa nhận về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn, nơi đăng ký kết hôn và quá trình sống chung như chị B trình bày là đúng. Hiện anh đang chấp hành hình phạt tù tại đội 43, phân trại số 1, trại giam Ph. Anh xác nhận vợ chồng anh ly thân từ năm 2011 cho đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đồng ý ly hôn với chị B.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung là Dương Mai B, sinh ngày 02/7/2007 và Dương Quang L, sinh ngày 03/02/2011. Hiện các cháu phát triển tốt, cháu L ở với ông bà nội còn cháu B ở với chị B. Ly hôn, chị B có nguyện vọng được nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con, anh đồng ý.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: vợ chồng anh không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh T vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án theo đúng thẩm quyền, xác định mối quan hệ tranh chấp, những người tham gia tố tụng đúng, đủ; tiến hành thu thập chứng cứ, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và hoà giải, tổng đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng, chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của BLTTDS; HĐXX đảm bảo về thành phần, nguyên tắc xét xử; tại phiên tòa

HĐXX đã thực hiện đủ, đúng các quy định của BLTTDS về phiên tòa sơ thẩm; Thư ký chấp hành đúng quyền hạn, trách nhiệm theo quy định; Nguyên đơn, bị đơn có ý thức chấp hành các quy định của BLTTDS. Về nội dung vụ án, sau khi phân tích Kiểm sát viên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị B; Xử cho chị B được ly hôn anh T; Con chung: giao cho chị B được quyền nuôi dưỡng cả 02 con chung là Dương Mai B, sinh ngày 02/7/2007 và Dương Quang L, sinh ngày 03/02/2011, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị B; Tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: không xem xét giải quyết; Về án phí: chị B phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: ngày 29 tháng 5 năm 2019, Tòa án nhân dân huyện Tân Yên thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn của chị Thân Thị B với bị đơn là anh Dương Văn T đang chấp hành án tại trại giam Ph, anh T có hộ khẩu thường trú tại thôn N, xã Ng, huyện T, tỉnh Bắc Giang là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2] Về việc xét xử vắng mặt chị Thân Thị B và anh Dương Văn T: chị Thân Thị B và anh Dương Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất. Tuy nhiên chị B và anh T đều có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa và đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị B và anh T là phù với quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét các yêu cầu của nguyên đơn thấy:

[3] Về tình cảm vợ chồng: Chị B và anh Dương Văn T kết hôn ngày 26/3/2007, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại UBND xã Ng, huyện T, tỉnh Bắc Giang là hôn nhân hợp pháp, phù hợp với quy định của pháp luật. Vợ chồng ban đầu chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2011, anh T bị bắt và bị Tòa án xét xử về tội buôn bán trái phép chất ma túy. Sau khi bị kết án, anh T phải đi cải tạo tại phân trại số 1 trại giam Ph. Quá trình anh T đi chấp hành hình phạt tù, chị B thì thoảng có đến thăm và chu cấp cho anh T. Tuy nhiên do thời gian xa cách đã lâu nên tình cảm vợ chồng phai nhạt dần, hiện tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị B xin ly hôn anh T. Anh T xác định vợ chồng ly thân từ năm 2011 cho đến nay không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được và đồng ý ly hôn với chị B. Quá trình làm việc với mẹ đẻ anh T là bà Vũ Thị Q, đại diện chính quyền địa phương là ông Nguyễn Thế Đ – phó thôn và

bà Vũ Thị Q - Chi hội trưởng Chi hội phụ nữ thôn N, xã Ng, huyện T, tỉnh Bắc Giang thì thấy năm 2011, anh T bị bắt và đi cải tạo trại giam, năm 2015, chị B bỏ về nhà bố mẹ đẻ của chị B sinh sống cho đến nay. HĐXX thấy, hiện tình cảm vợ chồng giữa chị B và anh T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình để xử cho chị B được ly hôn với anh T.

[4] Về con chung: quá trình chung sống chị B và anh T có 02 con chung là Dương Mai B, sinh ngày 02/7/2007 và Dương Quang L, sinh ngày 03/02/2011. Hiện cháu B đang ở với chị còn cháu L đang ở với bà nội. Ly hôn, chị B xin được nuôi dưỡng cả 2 con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Anh T đồng ý để chị B nuôi dưỡng cháu B và cháu L, cháu B và cháu L đều có nguyện vọng được ở với chị B. HĐXX thấy hiện anh T đang cải tạo tại giam tram nên không có đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung, việc chị B xin được nuôi con là đề nghị chính đáng và cũng đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp, phù hợp với nguyện vọng của con chung nên cần giao cho chị B nuôi dưỡng 02 con chung sau ly hôn là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: đương sự xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: chị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại điều 271 và khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 146, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; khoản 1 Điều 56, khoản 1, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình, xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: chị Thân Thị B được ly hôn anh Dương Văn T.
2. Về con chung: giao cho chị Thân Thị B nuôi dưỡng con chung là Dương Mai B, sinh ngày 02/7/2007 và Dương Quang L, sinh ngày 03/02/2011. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị B.

Sau khi ly hôn, anh T có quyền nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: chị Thân Thị B phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số AA/2017/0005772 ngày 29 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Yên. Xác nhận chị B đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát Tân Yên;
- TAND tỉnh B Giang;
- Chi cục T.H.A Tân Yên;
- Các đương sự;
- UBND xã Ng;
- Lưu hồ sơ;

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hà Giang